

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SON HÀ SÀI GÒN**

Số: 82/2016/SHA

V/v: Công bố báo cáo tài chính hợp
nhất soát xét 6 tháng năm 2016.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....oOo.....

TP.HCM, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn

Mã chứng khoán : SHA

Địa chỉ trực sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP.
Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-08) 37100101

Fax: (84-08) 62511989

Người thực hiện công bố thông tin: Ngô Thị Thanh Lan

Địa chỉ trực sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP.
Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-08) 37100101

Fax: (84-08) 62511989

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

- Công ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn công bố Báo cáo tài chính soát xét hợp nhất 6(sáu) tháng đầu năm 2016 gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tình chính .
- Giải trình chênh lệch lợi nhuận Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét 6(sáu) tháng đầu năm 2016.

Thông tin này được chúng tôi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 12/08/2016 tại đường dẫn <http://sonhasg.com.vn> .

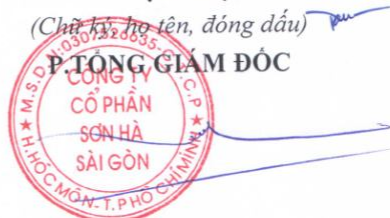
Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)



NGÔ THỊ THANH LAN

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2016 ĐẾN NGÀY 30/06/2016

TP. Hồ Chí Minh, tháng 08 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (Sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hoàng Hà	Chủ tịch
Ông Lê Vĩnh Sơn	Thành viên
Ông Lê Văn Ngà	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên
Ông Lê Văn Thành	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nghiêm Phú Hùng	Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Thanh Lan	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thanh Nga	Trưởng ban	Bỏ nhiệm kể từ ngày 11/05/2016
Bà Lê Thị Thu Thù	Trưởng ban	Miễn nhiệm kể từ ngày 11/05/2016
	Thành viên	
Ông Ngô Văn Thông	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Phú	Thành viên	

Kế toán trưởng

Bà Ngô Thị Thanh Lan

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nghiêm Phú Hùng
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2016

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 08/08/2016, từ trang 06 đến trang 48 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc
Giấy ĐKHN Kiểm toán số 0666-2014-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA
Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30/06/2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		279.935.224.646	268.101.831.043
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	42.178.310.785	56.149.992.739
Tiền	111		42.178.310.785	25.149.992.739
Các khoản tương đương tiền	112		-	31.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	29.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	29.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		140.463.174.214	86.604.744.083
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	122.050.390.694	69.835.314.145
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		12.084.140.726	10.873.589.782
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		6.700.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.900.473.417	6.017.644.177
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(2.312.786.633)	(1.716.968.381)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		40.956.010	1.595.164.360
Hàng tồn kho	140	5	94.617.105.349	89.880.858.459
Hàng tồn kho	141		94.617.105.349	89.880.858.459
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.676.634.298	6.466.235.762
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6	951.640.147	1.684.874.134
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.724.994.151	4.781.361.628
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		170.089.106.654	166.283.969.850
Các khoản phải thu dài hạn	210		707.068.000	683.068.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	707.068.000	683.068.000
Tài sản cố định	220		135.337.926.868	126.838.329.849
Tài sản cố định hữu hình	221	9	75.924.490.552	74.137.556.108
- Nguyên giá	222		100.493.647.530	94.458.500.900
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.569.156.978)	(20.320.944.792)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	10	13.058.497.088	14.296.724.702
- Nguyên giá	225		15.747.515.857	16.220.812.222
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.689.018.769)	(1.924.087.520)
Tài sản cố định vô hình	227	11	46.354.939.228	38.404.049.039
- Nguyên giá	228		51.132.457.444	42.601.685.444
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.777.518.216)	(4.197.636.405)
Tài sản dở dang dài hạn	240		31.124.820.973	35.674.112.589
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	31.124.820.973	35.674.112.589
Tài sản dài hạn khác	260		2.919.290.813	3.088.459.412
Chi phí trả trước dài hạn	261	6	2.888.199.729	3.049.794.656
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		31.091.084	38.664.756
TỔNG TÀI SẢN	270		450.024.331.300	434.385.800.893

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 30/06/2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		204.947.776.649	209.798.162.051
Nợ ngắn hạn	310		174.643.343.682	173.813.238.537
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	48.506.415.051	70.202.111.431
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.745.793.000	1.122.253.936
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.343.993.045	1.241.711.998
Phải trả người lao động	314		2.717.029.919	4.002.653.120
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	2.323.300.341	1.525.434.177
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		938.344	15.505.309
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	521.135.285	2.786.669.454
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	115.885.200.893	92.602.084.902
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		599.537.804	314.814.210
Nợ dài hạn	330		30.304.432.967	35.984.923.514
Phải trả dài hạn khác	337	14	253.138.000	304.500.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	30.051.294.967	35.680.423.514
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		245.076.554.651	224.587.638.842
Vốn chủ sở hữu	410	18	245.076.554.651	224.587.638.842
Vốn góp của chủ sở hữu	411		180.000.000.000	180.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.000.000.000	180.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.592.582.827	1.884.241.266
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		61.483.971.824	42.703.397.576
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		40.434.332.421	14.231.038.222
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		21.049.639.403	28.472.359.354
TỔNG NGUỒN VỐN	440		450.024.331.300	434.385.800.893



Nghiêm Phú Hùng
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2016

Ngô Thị Thanh Lan
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 30/06/2016	đến 30/06/2015
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	283.036.846.454	262.653.858.034
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	11.445.415.291	9.566.700.250
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		271.591.431.163	253.087.157.784
Giá vốn hàng bán	11	21	215.044.275.035	201.646.578.156
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		56.547.156.128	51.440.579.628
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	678.974.529	203.138.948
Chi phí tài chính	22	23	5.142.759.138	2.473.206.963
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.095.854.860</i>	<i>2.462.258.200</i>
Chi phí bán hàng	25	24	21.038.870.455	25.040.969.364
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	8.478.394.952	7.076.366.569
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.566.106.112	17.053.175.680
Thu nhập khác	31	25	195.651.102	182.425.686
Chi phí khác	32	26	383.191.980	79.697.625
Lợi nhuận khác	40		(187.540.878)	102.728.061
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.378.565.234	17.155.903.741
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	1.321.352.159	3.774.298.823
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	7.573.672	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21.049.639.403	13.381.604.918
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		21.049.639.403	13.381.604.918
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.169	1.673
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	1.044	-



Nghiêm Phú Hùng
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2016

Ngô Thị Thanh Lan
 Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh
 Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Chi tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
		đến 30/06/2016	đến 30/06/2015
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	22.378.565.234	17.155.903.741
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.724.888.496	2.917.238.703
Các khoản dự phòng	03	595.818.252	143.550.961
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(671.567.403)	(148.474.800)
Chi phí lãi vay	06	5.118.157.638	2.462.258.200
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	33.145.862.217	22.530.476.805
(Tăng) các khoản phải thu	09	(10.870.659.886)	(8.699.161.878)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(4.736.246.890)	(27.956.299.475)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(49.570.587.716)	28.026.435.393
Tăng/(Giảm) chi phí trả trước	12	894.828.914	(195.701.432)
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.174.604.159)	(2.462.258.200)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.237.675.326)	(1.573.373.072)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	178.099.600	44.184.976
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(273.860.795)	(261.907.591)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(37.644.844.041)	9.452.395.526
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(16.727.880.344)	(674.757.535)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.700.000.000)	(27.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	29.000.000.000	23.800.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(15.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	15.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	712.565.410	37.641.467
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.284.685.066	(3.837.116.068)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Chi tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
		đến 30/06/2016	đến 30/06/2015
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	128.764.038.184	55.765.796.826
Tiền trả nợ gốc vay	34	(109.394.896.614)	(34.744.052.888)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(1.715.154.126)	(3.264.844.447)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(265.510.423)	(250.909.091)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	17.388.477.021	17.505.990.400
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(13.971.681.954)	23.121.269.858
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60 4	56.149.992.739	11.685.922.233
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 4	42.178.310.785	34.807.192.091



Nghiệm Phú Hùng
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2016

Ngô Thị Thanh Lan
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307526635, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 03 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 06 tháng 04 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 180.000.000.000 đồng (Một trăm tám mươi tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 21 tháng 01 năm 2013 với mã chứng khoán là SHA.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 292/5 ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại : (84-8) 3710 0101
Fax : (84-8) 6251 9574
Mã số thuế : 0307526635

Các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn- Khu Công nghiệp Tân Bình Mã số chi nhánh: 0307526635-002	Lô III-3A đường số 1, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân phú, TP.Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Lâm Đồng - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-003	1024 quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
- Chi nhánh Bình Định - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-004	Thôn Phú Mỹ 1, xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.
- Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-005	Đại lộ Bình Dương, phường Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Chi nhánh Gia Lai - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-006	Tổ 12, đường Lý Thái Tổ, Phường Yên Đỗ, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia lai, Việt Nam.
- Chi nhánh Đắk Nông - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-008	Thửa số 251, tờ bản đồ số 03, tổ 4, Phường Nghĩa Phú, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.
- Chi nhánh Cần Thơ - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-009	81 Quốc lộ 1A, Tổ 61, Khu phố 11, Phường Hưng Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.
- Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0010	1798 Võ Nguyên Giáp, Phường 12, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.
- Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0011	Số 477, ấp Minh Phong, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn,
Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ ngày
01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN (TIẾP)

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Long Khánh – Đồng Nai - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-012	Số 81, đường 21/4, ấp Cẩm Tân, Xã Xuân Tân, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Chi nhánh ĐăkLăk - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-013	Số 7B, Quốc lộ 14, buôn Cour Đăng A, Xã Cour Đăng, Huyện Cư M'gar, Đăk Lăk Việt Nam.
- Chi nhánh Khánh Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-007	50 Quốc lộ 1A, Thôn Cư Thạnh, Xã Suối Hiệp, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Chi nhánh Bình Phước - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-014	ĐT.741, ấp 1, Xã Tiến Hưng, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 Công ty có 210 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31/12/2015 là 205 nhân viên).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là :

- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục); Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất giày dép; Sản xuất sản phẩm từ da lông thú;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng, sản xuất đồ điện dân dụng;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu;
- Điều hành tour du lịch, đại lý du lịch, dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Đúc sắt, thép;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở vận tải như đi du thuyền; Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)

- Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung; Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh, thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng nhà các loại, công trình công ích;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn. Chi tiết: sửa chữa thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại hư, lỗi của doanh nghiệp sản xuất; Sửa chữa đồ dùng gia đình;
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty trong kỳ là: Sản xuất thùng, bể chứa, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại và kinh doanh hàng gia dụng, hàng công nghiệp.

1.3 CHU KỶ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty trong vòng 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC CÔNG TY

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Sơn Hà	Khu Công nghiệp Bắc Chu Lai, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	100%	100%
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Quảng Nam	100%	100%

Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Sơn Hà vẫn đang trong giai đoạn đầu tư chưa đi vào hoạt động.

Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai hoạt động sản xuất kinh doanh chính bao gồm: Sản xuất thùng, bể chứa, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại và kinh doanh hàng gia dụng, hàng công nghiệp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.2 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sơn Hà (Công ty mẹ), Công ty TNHH MTV Công nghiệp Sơn Hà (Công ty con) và Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các Công ty trong Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

2.3 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao là các khoản đầu tư có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định tại ngày báo cáo và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thu hồi được. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, số tổn thất do không thu hồi được phải được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm được tính theo phương pháp bình quân giá quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	03 – 46
Máy móc, thiết bị	04 – 09
Phương tiện vận tải	04 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

3.7 THUÊ TÀI SẢN

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận như tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý tại ngày thuê tài sản, hoặc nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản công nợ phải trả cho bên cho thuê (nợ gốc) phát sinh được phản ánh trong số dư phải trả về thuê tài chính trên Bảng Cân đối kế toán. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả còn lại cho từng kỳ kế toán.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 THUÊ TÀI SẢN (TIẾP)

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất (từ 42 đến 47 năm).

Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

3.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí xây dựng các showroom, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí quảng cáo, thuê nhà

Chi phí quảng cáo thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng cho thuê nhà.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả phát sinh do mua hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ nhà cung cấp và được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng chưa có hoá đơn, hoặc chưa có đầy đủ hồ sơ tài liệu kế toán.

3.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Các quỹ dự trữ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội cổ đông. Từ năm 2015, quỹ dự phòng tài chính không được sử dụng và số dư quỹ này được chuyển sang quỹ đầu tư phát triển.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

3.13 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ chịu thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.16 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuận hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

3.17 BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

3.18 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Theo đó, các bên liên quan của Công ty là Công ty TNHH MTV Công nghiệp Sơn Hà, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai các Công ty con cùng Tập đoàn Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong kỳ được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	3.868.895.271	1.476.428.583
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	38.309.415.514	23.673.564.156
Các khoản tương đương tiền	-	31.000.000.000
	42.178.310.785	56.149.992.739

5. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	6.716.131.201	-	13.746.147.060	-
Nguyên liệu, vật liệu	25.210.431.657	-	20.176.639.731	-
Công cụ, dụng cụ	150.476.982	-	119.856.812	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.175.645.611	-	2.888.876.652	-
Thành phẩm	19.853.025.158	-	11.293.431.062	-
Hàng hóa	41.511.394.740	-	41.655.907.142	-
	94.617.105.349	-	89.880.858.459	-

Hàng tồn kho có giá trị 50.000.000.000 đồng đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 12 Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 46/2015/HĐTC-SH ngày 08/09/2015.

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	951.640.147	1.684.874.134
- Chi phí trả trước về thuê kho	526.924.997	425.408.329
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	310.772.004	1.074.910.239
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	113.943.146	184.555.566
Dài hạn	2.888.199.729	3.049.794.656
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.356.128.720	1.357.410.492
- Chi phí sửa chữa	70.796.713	181.504.980
- Tiền thuê đất tại Quảng Nam	1.000.000.000	1.000.000.000
- Chi phí mua bảo hiểm	74.860.146	111.340.130
- Các khoản khác	386.414.150	399.539.054
	3.839.839.876	4.734.668.790

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	122.050.390.694	(2.312.786.633)	69.835.314.145	(1.716.968.381)
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quang Thiên Phát	437.801.135	(306.460.795)	437.801.135	(306.460.795)
- Cửa hàng An Hưng Phát	159.838.439	(159.838.439)	159.838.439	(111.886.907)
- Cửa hàng Quý Sơn Hà 2	988.351.216	(988.351.216)	988.351.216	(691.845.851)
- Công ty Cổ phần Hway Việt Nam	40.310.620.008	-	-	-
- Công ty TNHH Ngô Giải Nam	15.159.650	(15.159.650)	15.159.650	(10.611.755)
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đại Phong Phú	822.711.533	(822.711.533)	822.711.533	(575.898.073)
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	1.762.997.387	-	828.395.745	-
- Đại lý Thành Long - Phú Yên	20.265.000	(20.265.000)	20.265.000	(20.265.000)
- Các đối tượng khác	77.532.646.326	-	66.562.791.427	-
Dài hạn	-	-	-	-
	122.050.390.694	(2.312.786.633)	69.835.314.145	(1.716.968.381)
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
- Công ty Cổ Phần Quốc Tế Sơn Hà	1.762.997.387	-	828.395.745	-
- Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	22.342.323	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

8. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	1.900.473.417	-	6.017.644.177	-
- Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	1.186.166.444	-	5.109.674.195	-
- Ký cược, ký quỹ	36.100.000	-	75.100.000	-
- Thuế giá trị gia tăng chưa xuất hóa đơn - Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương TP.HCM	474.759.199	-	578.632.269	-
- Kinh phí công đoàn	21.456.689	-	46.001.811	-
- Bảo hiểm xã hội	72.900.767	-	73.502.282	-
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	-	-	33.261.111	-
- Các khoản phải thu khác ngắn hạn	109.090.318	-	101.472.509	-
Dài hạn	707.068.000	-	683.068.000	-
- Ký cược, ký quỹ	707.068.000	-	683.068.000	-
	2.607.541.417	-	6.700.712.177	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị đụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ					
01/01/2016	38.407.270.952	27.156.651.782	23.794.575.798	5.100.002.368	94.458.500.900
- Mua trong kỳ	-	64.830.381	507.334.365	-	572.164.746
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	5.936.278.249	-	-	-	5.936.278.249
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(473.296.365)	-	(473.296.365)
30/06/2016	44.343.549.201	27.221.482.163	23.828.613.798	5.100.002.368	100.493.647.530
HAO MÓN LŨY KẾ					
01/01/2016	(4.876.415.271)	(9.964.243.185)	(4.787.408.853)	(692.877.483)	(20.320.944.792)
- Khấu hao trong kỳ	(881.826.301)	(1.738.946.290)	(1.196.812.992)	(430.626.604)	(4.248.212.186)
- Tăng do mua lại tài sản thuê tài chính	-	-	(131.863.250)	-	(131.863.250)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	131.863.250	-	131.863.250
30/06/2016	(5.758.241.572)	(11.703.189.475)	(5.984.221.845)	(1.123.504.087)	(24.569.156.978)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2016	33.530.855.681	17.192.408.597	19.007.166.945	4.407.124.885	74.137.556.108
30/06/2016	38.585.307.630	15.518.292.688	17.844.391.954	3.976.498.281	75.924.490.552

Tại ngày 30/06/2016, nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cố định theo số sách lần lượt là 63.074.562.318 đồng và 51.525.446.926 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2016: 2.495.350.368 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải truyền dẫn <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2016	16.220.812.222	16.220.812.222
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(473.296.365)	(473.296.365)
30/06/2016	<u>15.747.515.857</u>	<u>15.747.515.857</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2016	(1.924.087.520)	(1.924.087.520)
- Khấu hao trong kỳ	(896.794.499)	(896.794.499)
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	131.863.250	131.863.250
30/06/2016	<u>(2.689.018.769)</u>	<u>(2.689.018.769)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2016	<u>14.296.724.702</u>	<u>14.296.724.702</u>
30/06/2016	<u>13.058.497.088</u>	<u>13.058.497.088</u>

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2016	42.212.725.444	388.960.000	42.601.685.444
- Mua trong kỳ	8.400.000.000	130.772.000	8.530.772.000
- Tặng do XDCB hoàn thành	-	-	-
30/06/2016	<u>50.612.725.444</u>	<u>519.732.000</u>	<u>51.132.457.444</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2016	(4.135.733.285)	(61.903.120)	(4.197.636.405)
- Khấu hao trong kỳ	(524.934.335)	(54.947.476)	(579.881.811)
30/06/2016	<u>(4.660.667.620)</u>	<u>(116.850.596)</u>	<u>(4.777.518.216)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2016	<u>38.076.992.159</u>	<u>327.056.880</u>	<u>38.404.049.039</u>
30/06/2016	<u>45.952.057.824</u>	<u>402.881.404</u>	<u>46.354.939.228</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH (TIẾP)

Quyền sử dụng đất 7.064,7 m² tại Xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng.

Quyền sử dụng đất tại lô số 7A1, đường số 3, Khu Công nghiệp Bắc Chu Lai trong 50 năm của Công ty với tổng tiền thuê đất số tiền: 5.456.125.000 đồng được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản		
- Quyền sử dụng đất (*)	31.072.093.700	25.072.093.700
- Nhà máy mở rộng	-	10.549.291.616
- Tiền thuê đất tại Quảng Nam	52.727.273	52.727.273
	<u>31.124.820.973</u>	<u>35.674.112.589</u>

(*) Bao gồm:

- Quyền sử dụng đất 5.786,5 m² tại xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. Giá trị chuyển nhượng số tiền: 25.072.093.700 đồng từ năm 2014 đến nay chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Quyền sử dụng đất 1.000 m² tại thửa đất số 642, 112/1 ấp Tam Đông, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. Giá trị chuyển nhượng số tiền: 6.000.000.000 đồng. Hiện Công ty đang hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất.

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	2.323.300.341	1.525.434.177
- Chi phí trích trước hàng khuyến mại	783.590.167	480.031.351
- Chi phí lương tháng 6	514.217.351	-
- Chi phí công tác, xăng dầu, vận chuyển	474.746.569	914.199.643
- Trích thưởng doanh số	157.255.097	-
- Chi phí lãi vay	393.491.157	131.203.183
Dài hạn	-	-
	<u>2.323.300.341</u>	<u>1.525.434.177</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn,
Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ ngày
01/01/2016 đến 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngắn hạn	521.135.285	2.786.669.454
- Tài sản thừa chờ giải quyết	61.562.730	2.686.329.445
- Kinh phí công đoàn	72.280.590	5.205.751
- Cổ tức phải trả	18.660.660	8.170.000
- Phải trả về cổ phần hóa	7.068.000	7.068.000
- Bảo hiểm thất nghiệp	3.220.000	-
- Nhận ký quỹ, ký cược	-	35.900.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	358.343.305	43.996.258
Dài hạn	253.138.000	304.500.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	253.138.000	304.500.000
	<u>774.273.285</u>	<u>3.091.169.454</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	48.506.415.051	48.506.415.051	70.202.111.431	70.202.111.431
- Công ty TNHH Posco VST	15.535.740.975	15.535.740.975	9.616.938.054	9.616.938.054
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	11.614.942.428	11.614.942.428	19.695.821.941	19.695.821.941
- Công ty CP Sản Xuất Thương Mại và đầu tư Thịnh Phát	-	-	8.400.000.000	8.400.000.000
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	14.432.035.260	14.432.035.260	25.600.673.117	25.600.673.117
- Công ty Cổ phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	2.286.773.706	2.286.773.706	3.958.468.220	3.958.468.220
- Các đối tượng khác	4.636.922.682	4.636.922.682	2.930.210.099	2.930.210.099
Dài hạn	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	48.506.415.051	48.506.415.051	70.202.111.431	70.202.111.431
- Công ty Cổ phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	26.046.977.688	26.046.977.688	45.296.495.058	45.296.495.058
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	2.286.773.706	2.286.773.706	3.958.468.220	3.958.468.220
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	14.432.035.260	14.432.035.260	25.600.673.117	25.600.673.117
- Công ty Cổ phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	11.614.942.428	11.614.942.428	19.695.821.941	19.695.821.941

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	01/01/2016		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		30/06/2016	
	VND		VND		VND		VND	
Thuế và các khoản phải nộp								
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp (*)	96.262.109	789.214.852	789.214.852	575.432.991	310.043.970			
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	1.492.449.798	1.492.449.798	1.492.449.798	-			
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	170.886.511	170.886.511	170.886.511	-			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	886.993.698	1.321.352.159	1.321.352.159	1.237.675.326	970.670.531			
- Thuế thu nhập cá nhân	258.456.191	186.347.609	186.347.609	381.525.256	63.278.544			
- Thuế tài nguyên	-	3.046.000	3.046.000	3.046.000	-			
- Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	5.000.000	-			
	1.241.711.998	3.968.296.929	3.968.296.929	3.866.015.882	1.343.993.045			

(*) Số thuế phải nộp và thực nộp trong kỳ không bao gồm thuế giá trị gia tăng khấu trừ trong kỳ số tiền 37.029.458.269 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Nội dung	30/06/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a, Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	115.885.200.893	115.885.200.893	131.939.581.976	108.656.465.985	92.602.084.902	92.602.084.902
Vay ngắn hạn	107.926.946.649	107.926.946.649	128.764.038.184	103.888.588.863	83.051.497.328	83.051.497.328
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hón (1)	26.096.183.368	26.096.183.368	26.096.183.368	37.574.526.300	37.574.526.300	37.574.526.300
- Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Thanh Xuân (2)	5.000.000.000	5.000.000.000	10.000.000.000	19.400.000.000	14.400.000.000	14.400.000.000
- Ngân hàng TCMP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đông (3)	64.748.382.847	64.748.382.847	80.543.382.847	36.639.172.752	20.844.172.752	20.844.172.752
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam (4)	12.082.380.434	12.082.380.434	12.124.471.969	9.453.657.683	9.411.566.148	9.411.566.148
- Công ty Cổ phần đầu tư và Kinh doanh thương mại Vinaconex (5)	-	-	-	171.232.128	171.232.128	171.232.128
- Các khoản vay cá nhân (5)	-	-	-	650.000.000	650.000.000	650.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	4.853.445.992	4.853.445.992	1.677.389.668	3.176.722.996	6.352.779.320	6.352.779.320
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đông (6)	2.648.000.000	2.648.000.000	574.000.000	2.074.000.000	4.148.000.000	4.148.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hón (7)	974.796.000	974.796.000	488.064.672	487.398.000	974.129.328	974.129.328
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (8)	1.230.649.992	1.230.649.992	615.324.996	615.324.996	1.230.649.992	1.230.649.992
Nợ thuế tài chính (9)	3.104.808.252	3.104.808.252	1.498.154.124	1.591.154.126	3.197.808.254	3.197.808.254
- Nợ dài hạn đến hạn trả (dưới 1 năm)	3.104.808.252	3.104.808.252	1.498.154.124	1.591.154.126	3.197.808.254	3.197.808.254

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/15 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Nội dung	30/06/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b, Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	30.051.294.967	30.051.294.967	-	5.629.128.547	35.680.423.514	35.680.346.757
Vay dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	25.872.825.736	25.872.825.736	-	4.006.974.423	29.879.800.159	29.879.723.402
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (8)	3.736.683.748	3.736.683.748	-	615.324.996	4.352.008.744	4.352.008.744
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hồn (7)	2.818.340.000	2.818.340.000	-	488.064.672	3.306.404.672	3.306.404.672
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đông (6)	4.176.000.000	4.176.000.000	-	574.000.000	4.750.000.000	4.750.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam (10)	15.141.801.988	15.141.801.988	-	2.329.584.755	17.471.386.743	17.471.309.986
Nợ thuế tài chính (9)	4.178.469.231	4.178.469.231	-	1.622.154.124	5.800.623.355	5.800.623.355
- Nợ dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	4.178.469.231	4.178.469.231	-	1.622.154.124	5.800.623.355	5.800.623.355
	145.936.495.860	145.936.495.860	131.939.581.976	114.285.594.532	128.282.508.416	128.282.431.659

(1) Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 14/2015-HĐTDHM/NHCT944-SONHA ngày 04/06/2015 với các điều khoản cụ thể:

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Hạn mức cho vay: 40.000.000.000 đồng;
- Lãi suất: Áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 tháng một lần;
- Tài sản đảm bảo: quyền sử dụng đất số 15/2015-HĐTC/NHCT944-SH ngày 02/06/2015 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 12 và Ông Ngô Văn Thông – Bà Lê Thị Kim. Hàng tồn kho có giá trị 50.000.000.000 đồng đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 12 Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 46/2015/HĐTC-SH ngày 08/09/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (2) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/7015218/HĐTD ngày 24/09/2015 với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Hạn mức cho vay: 54.400.000.000 đồng;
 - Lãi suất: Áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 tháng một lần;
 - Tài sản đảm bảo: Không cần tài sản đảm bảo.
- (3) Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 0048/KH/12NH ngày 02/05/2012 và hợp đồng hạn mức số 03/CV-0048/KH/12NH ngày 15/08/2014, hợp đồng sửa đổi bổ sung ngày 25/04/2016 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đông với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Hạn mức cho vay: 100.000.000.000 đồng;
 - Lãi suất: Áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 6 tháng một lần kể từ ngày thực tế rút vốn vay;
 - Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất tại xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, và các công trình văn phòng, nhà xưởng gắn liền với đất.
- (4) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1184/2015/HĐTDHM/NHCT482-SONHACHULAI ký ngày 30/11/2015 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Nam và Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai với các điều khoản:
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Hạn mức cho vay: 50.000.000.000 đồng;
 - Lãi suất: quy định theo từng lần nhận nợ;
 - Tài sản đảm bảo: Hợp đồng hạn mức tín dụng được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền tài sản, hàng hóa số 081-2015/HĐTC-KHDN ngày 30/11/2015 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam với Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai và Văn bản bảo lãnh của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà ngày 16/10/2015.
- (5) Khoản vay với Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh Doanh Thương mại Vinaconex và các cá nhân mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, với lãi suất 0%, thời gian vay 1 năm.
- (6) Khoản vay theo hợp đồng số 0056/KH/12DH ký ngày 28/05/2012 để hoàn vốn chủ sở hữu cho Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn của dự án "Đầu tư xây dựng nhà xưởng tại 292/5 ấp Tam Đông 2, Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh" với các điều khoản cụ thể:
- Tổng số tiền vay: 15.000.000.000 đồng;
 - Lãi suất: áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ;
 - Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất tại 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh và các công trình văn phòng nhà xưởng gắn liền với đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (7) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 37/2015 - HĐD/NHCT944-SONHA-HYUNDAI ngày 26/10/2015 giữa Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hón, với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư mua 09 xe ô tô tải Thaco Hyundai HD350;
 - Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày 26/10/2015;
 - Lãi suất: 7%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với nhưng khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng được điều chỉnh 3 tháng/lần;
 - Tài sản đảm bảo: 09 chiếc xe tải Hyundai HD350 chỉ tiết theo Hợp đồng thế chấp số 55/2015-HĐTC/NHCT944-Sonha ngày 26/10/2015 và Hợp đồng thế chấp số 56/2015-HĐTC/NHCT944-SONHA giữa Công ty và ngân hàng, tổng giá trị tài sản đảm bảo là 1.764.000.000 đồng và 3.528.000.000 đồng.
- (8) Khoản vay theo các hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 139915/HĐTD-TDHH/DN ngày 26/06/2015, số 142315/HĐTD-TDHH/DN ngày 06/07/2015, số 163215/HĐTD-TDHH/DN ngày 28/08/2015, giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích vay: Mua xe ô tô đầu tư phương tiện vận tải;
 - Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày nhận vay trên các hợp đồng tín dụng;
 - Lãi suất: áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng vào ngày đầu mỗi quý;
 - Tài sản đảm bảo: 04 xe Hyundai 120/05 tấn nhập khẩu nguyên chiếc tại Hà Quốc 100% sản xuất năm 2014 tổng giá trị đảm bảo 5.360.000.000 đồng; 01 xe Hyundai Santa Fe xăng thường model 2015 BKS 51F-240.20 với tổng giá trị đảm bảo 1.055.000.000 đồng ; 01 xe tải Hino Model FG8 JPSL, cầu Tannado Model ZT504 với tổng giá trị tài sản đảm bảo 1.918.000.000 đồng.

- (9) Thuế tài chính Công ty cho thuê tài chính ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán tiền mua xe với lãi suất áp dụng theo từng hợp đồng cho thuê tài chính và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng một lần.

- (10) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 956/2015/HĐTDHM/NHCT482-SONHACHULAI ký ngày 27/10/2015 giữa Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam, với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Thời hạn vay: đến ngày 12/09/2019;
 - Lãi suất: quy định theo từng lần nhận nợ;
 - Tài sản đảm bảo: Quyền sở hữu đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại Lô 7A1, đường số 3, KCN Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BX398528 (Số vào sổ cấp GCN: CT 08673) do UBND tỉnh Quảng Nam cấp ngày 19/11/2014; Toàn bộ các máy móc thiết bị theo các hợp đồng kinh tế HL-2014003 ký ngày 08/10/2014, hợp đồng số 01/HCL-AT/HĐKT-2015 ký ngày 29/04/2015, hợp đồng số 10045/2014/HĐKT-TAC ngày 15/12/2014, hợp đồng số 2404/SHCL-DM/HĐKT/2015, Hợp đồng số 2004-SHCL/2015/TĐ, 0204/2015/HĐXD ngày 02/04/2015, Hợp đồng số 20-04/2015/HĐKT-TCXD, hợp đồng số XTL/SHA01 ngày 11/05/2015, hợp đồng số 26/05/2015/HĐKT-TCXD, ngày 26/05/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

29/25 ấp Tam Đông 2, xã Thời Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND			
01/01/2015	80.000.000.000	1.274.141.037		21.618.821.822	102.892.962.859
- Tăng vốn trong năm trước	100.000.000.000	-	-	-	100.000.000.000
- Lợi nhuận trong năm	-	-	28.472.359.354	28.472.359.354	28.472.359.354
- Phân phối lợi nhuận trong năm	-	610.100.229	(7.387.783.600)	(6.777.683.371)	(6.777.683.371)
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	610.100.229	(610.100.229)	-	-
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(101.683.371)	(101.683.371)	(101.683.371)
+ Chia có tức 2014	-	-	(6.400.000.000)	(6.400.000.000)	(6.400.000.000)
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2014	-	-	(276.000.000)	(276.000.000)	(276.000.000)
31/12/2015	180.000.000.000	1.884.241.266		42.703.397.576	224.587.638.842
01/01/2016	180.000.000.000	1.884.241.266		42.703.397.576	224.587.638.842
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận trong năm	-	-	21.049.639.403	21.049.639.403	21.049.639.403
- Phân phối lợi nhuận trong kỳ (*)	-	1.708.341.561	(2.269.065.155)	(560.723.594)	(560.723.594)
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	1.708.341.561	(1.708.341.561)	-	-
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(284.723.594)	(284.723.594)	(284.723.594)
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2015	-	-	(276.000.000)	(276.000.000)	(276.000.000)
30/06/2016	180.000.000.000	3.592.582.827		61.483.971.824	245.076.554.651

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 31/2016/NQ-DHĐCĐ ngày 20/04/2016 trong đó trả cổ tức bằng cổ phiếu số tiền: 21.600.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm kiểm toán Công ty vẫn chưa tiến hành phát hành thêm cổ phiếu để trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

18.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ông Lê Việt Cường	10.800.000.000	10.800.000.000
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	54.000.000.000	54.000.000.000
Ông Lê Hoàng Hà	9.000.000.000	9.000.000.000
Các Cổ đông khác	106.200.000.000	106.200.000.000
	180.000.000.000	180.000.000.000

18.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	180.000.000.000	80.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	180.000.000.000	80.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối	2.269.065.155	7.387.783.600

18.3 CỔ PHIẾU

	30/06/2016	01/01/2016
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.000.000	18.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.000.000	18.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	18.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.000.000	18.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	18.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

18.4 CÁC QUỸ

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.592.582.827	1.884.241.266

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn,
Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ ngày
01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	282.213.758.274	158.524.137.641
Doanh thu cung cấp dịch vụ	823.088.180	104.129.720.393
	283.036.846.454	262.653.858.034
Doanh thu với các bên liên quan	3.887.497.672	4.377.187.655
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	3.788.777.579	4.209.296.655
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	74.220.000	167.891.000
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	24.500.093	-

20. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chiết khấu thương mại	7.899.260.995	6.541.393.888
Giảm giá hàng bán	1.889.000	3.025.306.362
Hàng bán bị trả lại	3.544.265.296	-
	11.445.415.291	9.566.700.250

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	213.038.152.172	201.864.061.773
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.006.122.863	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(217.483.617)
	215.044.275.035	201.646.578.156

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	678.974.529	149.064.642
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	52.258.406
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.815.900
	678.974.529	203.138.948

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.095.854.860	2.462.258.200
Lỗ chênh lệch tỷ giá	46.904.278	10.948.763
	5.142.759.138	2.473.206.963

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	8.478.394.952	7.076.366.569
Chi phí nhân viên	3.438.125.917	3.496.572.255
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	789.688.585	320.928.567
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.119.133.509	1.099.923.486
Chi phí dự phòng	595.818.252	361.034.578
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.179.561.602	1.449.556.588
Chi phí quản lý khác	1.356.067.087	348.351.095
Các khoản chi phí bán hàng	21.038.870.455	25.040.969.364
Chi phí nhân viên	10.041.032.867	8.683.452.920
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.802.047.244	3.269.406.936
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.558.840.197	1.539.041.214
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.040.260.583	5.899.097.080
Chi phí bán hàng khác	3.596.689.564	5.649.971.214
	29.517.265.407	32.117.335.933

25. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Thu tiền cho thuê tài sản	79.721.940	79.721.940
Các khoản khác	115.929.162	102.703.746
	195.651.102	182.425.686

26. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Chi phí khấu hao tài sản cho thuê	79.611.804	79.611.804
Các khoản chi phí khác	303.580.176	85.821
	383.191.980	79.697.625

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn,
Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ ngày
01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.378.565.234	17.155.903.741
Các khoản chi phí không được khấu trừ	5.000.000	-
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	16.023.356.328	-
- Lợi nhuận Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	16.023.356.328	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	6.360.208.906	17.155.903.741
Thuế suất	20%	22%
Thuế TNDN phải trả ước tính	1.272.041.781	3.774.298.823
Thuế TNDN năm 2011, 2012 phải trả	53.369.072	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại kỳ này	(7.573.672)	-
Chi phí thuế TNDN năm 2015 phải trả	3.514.978	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.321.352.159	3.774.298.823

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chênh lệch giá trị ghi sổ hàng tồn kho Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn bán cho Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	155.455.420
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	155.455.420
Thuế suất	20%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	31.091.084
Chi phí thuế TNDN hoãn lại kỳ trước hoàn nhập	(38.664.756)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại kỳ này	(7.573.672)

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (*)	21.049.639.403	13.381.604.918
Số bình quân giá quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	18.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	1.169	1.673

(*) Lợi nhuận sau thuế dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa loại trừ số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi trích lập từ lợi nhuận trong kỳ do Công ty tiến hành phân phối lợi nhuận vào thời điểm kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

30. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (*)	21.049.639.403
Số bình quân giá quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong	18.000.000
Số cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	2.160.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	1.044

(*) Lợi nhuận sau thuế dùng tính lãi suy giảm trên cổ phiếu chưa loại trừ số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi trích lập từ lợi nhuận trong kỳ do Công ty tiến hành phân phối lợi nhuận vào thời điểm kết thúc năm tài chính.

Giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/06/2015, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu do đó Công ty không xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu.

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	80.101.049.393	72.580.714.109
Chi phí nhân công	16.882.090.107	14.229.474.295
Khấu hao tài sản cố định	5.662.700.258	4.102.541.253
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.903.279.139	8.088.694.712
Chi phí bằng tiền khác	11.293.561.461	6.359.356.887
	119.842.680.358	105.360.781.256

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.16.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.178.310.785	56.149.992.739
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	29.000.000.000
Phải thu khách hàng	119.737.604.061	68.118.345.764
Phải thu khác	852.258.318	859.640.509
Cộng	162.768.173.164	154.127.979.012
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	145.936.495.860	128.282.508.416
Phải trả người bán	48.506.415.051	70.202.111.431
Phải trả khác	260.206.000	311.568.000
Chi phí phải trả	2.323.300.341	1.525.434.177
Cộng	197.026.417.252	200.321.622.024
Trạng thái ròng	(34.258.244.088)	(46.193.643.012)

Tại ngày 30/06/2016, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư 210 cũng như các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư ngắn hạn cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư cổ phiếu.

Một số khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà vì mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này nên rủi ro về giá là thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà tập đoàn phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
30/06/2016			
Vay và nợ	115.885.200.893	30.051.294.967	145.936.495.860
Phải trả người bán	48.506.415.051	-	48.506.415.051
Phải trả khác	260.206.000	-	260.206.000
Chi phí phải trả	2.323.300.341	-	2.323.300.341
Cộng	166.975.122.285	30.051.294.967	197.026.417.252
01/01/2016			
Vay và nợ	92.602.084.902	35.680.423.514	128.282.508.416
Phải trả người bán	70.202.111.431	-	70.202.111.431
Phải trả khác	311.568.000	-	311.568.000
Chi phí phải trả	1.525.434.177	-	1.525.434.177
Cộng	164.641.198.510	35.680.423.514	200.321.622.024

Bảng sau đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời gian quá hạn thanh toán tính từ ngày đáo hạn theo hợp đồng đến ngày lập bảng cân đối kế toán. Số liệu trong bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
30/06/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.178.310.785	-	42.178.310.785
Phải thu khách hàng	119.737.604.061	-	119.737.604.061
Phải thu khác	145.190.318	707.068.000	852.258.318
Cộng	162.061.105.164	707.068.000	162.768.173.164
01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.149.992.739	-	56.149.992.739
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	29.000.000.000	-	29.000.000.000
Phải thu khách hàng	68.118.345.764	-	68.118.345.764
Phải thu khác	176.572.509	683.068.000	859.640.509
Cộng	153.444.911.012	683.068.000	154.127.979.012

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức bình thường. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn,
Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ ngày
01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng, Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Tổng cộng			Quá hạn					
	(Giá trị ghi số)			Không quá hạn			Quá hạn		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
		Bị suy giảm giá trị	Tổng	Dưới 1 năm	Trên 1 năm				
				Bị suy giảm giá trị	Không bị suy giảm giá trị	Bị suy giảm giá trị	Không bị suy giảm giá trị	Bị suy giảm giá trị	Không bị suy giảm giá trị
									Tổng
30/06/2016									
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.178.310.785	-	42.178.310.785	-	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	122.050.390.694	-	119.606.263.721	119.606.263.721	-	2.444.126.973	-	2.444.126.973	-
Phải thu khác	852.258.318	-	852.258.318	852.258.318	-	-	-	-	-
	165.080.959.797		162.636.832.824	162.636.832.824		2.444.126.973		2.444.126.973	
01/01/2016									
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.149.992.739	-	56.149.992.739	-	-	-	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	29.000.000.000	-	29.000.000.000	29.000.000.000	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	69.835.314.145	-	67.391.187.172	67.391.187.172	-	2.444.126.973	-	2.444.126.973	-
Phải thu khác	859.640.509	-	859.640.509	859.640.509	-	-	-	-	-
	155.844.947.393		153.400.820.420	153.400.820.420		2.444.126.973		2.444.126.973	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Giá trị suy giảm

	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND
30/06/2016			
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.444.126.973	2.312.786.633	131.340.340
	<u>2.444.126.973</u>	<u>2.312.786.633</u>	<u>131.340.340</u>
01/01/2016			
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.444.126.973	1.716.968.381	727.158.592
	<u>2.444.126.973</u>	<u>1.716.968.381</u>	<u>727.158.592</u>

33. THÔNG TIN KHÁC

33.1 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2016	01/01/2016
Ngoại tệ các loại + USD	102,88	102,82

33.2 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai		
<i>Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính</i>	1.692.099.634	11.619.262.891
- Mua quyền sử hữu đất phục vụ xây dựng nhà máy chưa thanh toán	-	8.400.000.000
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	-	-
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	128.764.038.184	55.765.796.826
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	-	-
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	109.394.896.614	34.744.052.888

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

33.3 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	Công ty cùng Tập đoàn
Ông Ngô Văn Thông	Thành viên Ban kiểm soát

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	379.416.000	573.390.000

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	49.706.308.710	171.239.400.992
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	45.797.431.011	171.099.111.782
Đi thuê tài sản	40.378.180	60.567.270
Cho thuê tài sản	79.721.940	79.721.940
Bán hàng hóa	3.788.777.579	-
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	71.066.535.415	41.608.692.783
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	71.042.035.322	41.608.692.783
Bán hàng hóa	24.500.093	-
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	12.910.637.476	12.886.690.000
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	74.220.000	167.891.000
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	12.834.206.840	12.718.799.000
Chi phí sửa chữa bảo ôn	2.210.636	-
Ông Ngô Văn Thông - Mua đất	6.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

33.4 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực : Hàng gia dụng.
- Lĩnh vực : Hàng công nghiệp.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Hàng gia dụng	Hàng Công nghiệp	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	189.604.375.358	81.987.055.805	271.591.431.163
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	189.604.375.358	81.987.055.805	271.591.431.163
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	54.403.545.390	2.143.610.738	56.547.156.128
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(29.517.265.407)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			27.029.890.721
Doanh thu hoạt động tài chính			678.974.529
Chi phí tài chính			(5.142.759.138)
Thu nhập khác			195.651.102
Chi phí khác			(383.191.980)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.321.352.159)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(7.573.672)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			21.049.639.403

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn,
Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ ngày
01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

33.4 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Hàng giá dụng	Hàng Công nghiệp	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	139.828.652.569	113.258.505.215	253.087.157.784
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	139.828.652.569	113.258.505.215	253.087.157.784
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	43.876.876.820	7.563.702.808	51.440.579.628
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(32.117.335.933)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			19.323.243.695
Doanh thu hoạt động tài chính			203.138.948
Chi phí tài chính			(2.473.206.963)
Thu nhập khác			182.425.686
Chi phí khác			(79.697.625)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(3.774.298.823)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			13.381.604.918

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn,
Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ ngày
01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

33.5 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 đã được soát xét.



Nghiệm Phú Hùng
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2016

Ngô Thị Thanh Lan
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh
Người lập